TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HS-ST
Ngày: 27/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

2. Ông Trần Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 94/2025/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh ngày 29/6/1989 tại Nam Định.

Nơi đăng ký thường trú: 256/70/3N, ấp B, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: 287, ấp B, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1967 và Vũ Thị H, sinh năm 1970; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em; sống chung như vợ chồng với Trần Bình A, sinh năm 1996. Có 03 con sinh năm 2013, năm 2014 (là con chung với chị Phạm Hương T, sinh năm 1993) và năm 2021 (là con chung với chị A).; nhân thân, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 13/10/2024 và bị tạm giữ từ ngày 14/10/2024.

(Bị cáo có mặt;)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn L và ông Nguyễn Văn N,sinh năm 1990; thường trú tại khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là bạn quen biết nhau. Vào ngày 11/10/2024, ông N thuê xe ô tô hiệu Huyndai Tucson, biển số 51K-140.93 của ông Nguyễn Văn T1,sinh năm 1990; thường trú tại phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời hạn từ ngày 11/10/2024 đến ngày 18/10/2024 với giá 9.624.139đ (chín triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm ba mươi chín đồng) để làm phương tiện đi lại.

Khoảng 12 giờ, ngày 12/10/2024, trong lúc ngồi uống cà phê với ông N tại quán cà phê lề đường thuộc phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, L thấy ông N đang sử dụng xe ôtô hiệu Huyndai Tucson biển số 51K-140.93 nên L nảy sinh ý định mượn xe ô tô trên của ông N để cầm cố lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, L hỏi mượn chìa khoá xe ô tô của ông N và nói dối là để coi xe, ông N đồng ý. Sau đó, L lên xe lục tìm thì thấy Giấy chứng nhận đăng kiểm (bản gốc) và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51K-140.93 (bản sao y) nên sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 8 của L chụp hình lại rồi xuống xe trả lại chìa khoá cho ông N (ông N không biết việc L chụp hình các giấy tờ xe).

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L sử dụng điện thoại truy cập mạng xã hội Facebook liên hệ với đối tượng (không rõ lai lịch) đặt mua 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51K-140.93 giả do L đứng tên chủ sở hữu với giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). L gửi hình ảnh Căn cước công dân của L, Giấy chứng nhận đăng kiểm và hình Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51K-140.93 Lâm chụp nêu trên cho đối tượng làm giả giấy tờ.

Đến khoảng 09 giờ ngày 13/10/2024, khi L đang ở quán C đường L, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thì được một người Shipper (không rõ lai lịch) giao cho L 01 Giấy chứng nhận đang ký xe ô tô biển số 51K-140.93 đứng tên Phạm Văn L, L đã trả số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, L gọi điện thoại cho ông N hỏi mượn xe ôtô biển số 51K -140.93 để đi công việc khoảng 03 ngày, ông N đồng ý và giao xe cho L.

Sau khi lấy được xe, L gọi điện thoại cho ông Đặng Văn T2, sinh năm 1981; thường trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhờ ông T2 tìm người cầm cố chiếc xe ô tô trên với giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). L nói với ông T2 xe ôtô biển số 51K -140.93 là xe của L, đồng thời gửi cho ông T2 hình ảnh

Giấy đăng ký xe ôtô biển số 51K -140.93 tên Phạm Văn L, ông T2 đồng ý. Sau đó, ông T2 nhờ ông Nguyễn Trí D, sinh năm 1986; thường trú tại ấp T, xã H, thành phố B giúp cầm cố xe ô tô cho L. Ông T2 và ông D không biết việc L không phải là chủ sở hữu xe ô tô và việc L sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe giả.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, L điều khiển xe ô tô biển số 51K - 140.93 từ thành phố Hồ Chí Minh đến nhà ông T2 thì gặp ông D. Ông D gọi điện nhờ ông Huỳnh Đình V, sinh năm 1974; thường trú tại ấp E, xã H, thành phố B tìm người cầm cố xe ô tô biển số 51K -140.93, V đồng ý. Ông V gọi điện cho ông Vũ Hữu H1, sinh năm 1975; thường trú tại G276, tổ A, khu Phố G, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là chủ tiệm C1; địa chỉ 1341, tổ A, khu phố G, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để hỏi cầm cố chiếc xe trên với giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), ông H1 đồng ý. Sau đó, ông D điều khiển xe ô tô (không rõ biển số) dẫn đường cho L và ông V điều khiển xe ô tô biển số 51K -140.93 đi đến tiệm C1 (ông V không biết việc L làm giả giấy tờ và chiếm đoạt chiếc xe trên).

Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, L cùng các ông V, D đến gặp anh H1. L sử dụng 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51K -140.93 giả đứng tên Phạm Văn L đưa cho ông H1 để làm hợp đồng cầm cố xe ô tô biển số 51K -140.93 với giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Sau khi kiểm tra giấy tờ xe L đưa, ông H1 phát hiện Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51K -140.93 là giả nên gọi điện trình báo Công an phường L. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Công an phường L bắt quả tang Phạm Văn L về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn L khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Huyndai Tucson, biển số 51K-140.93 đứng tên Phạm Văn L và 01 hợp đồng cầm cố xe ô tô biển số 51K-140.93.

- 01 xe ô tô hiệu Huyndai Tucson 2.0 biển số 51K-140.93 có số khung RLUJD81CBMN000834, số máy D4HDMH715485.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu vàng hồng số IMEI 354898094380341 của Phạm Văn L.

Tại Kết luận giám định số 2088/KL-KTHS ngày 23/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ đã kết luận:

"- Hình dấu tròn phòng CSGT đường bộ - đường sắt – Công an T4 trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn Phòng CSGT đường bộ - đường sắt – Công an T4 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Hữu T3 trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Hữu T3 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một người ký ra.

- Bản in (phôi) Chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) là giả".

Tại Cáo trạng số: 129/CT-VKSVC ngày 06/02/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra bị cáo và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận, khoảng 17 giờ ngày 13/10/2024, tại tiệm C1, địa chỉ 1341, tổ A, khu phố G, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Phạm Văn L đã có hành vi sử dụng 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mục đích để để cầm cố 01 xe ô tô hiệu Huyndai Tucson, biển số 51K-140.93 với số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) thì bị Công an phường L phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai ban đầu và phù hợp với tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Sử dụng tài liệu

giả của cơ quan, tổ chức*”* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[3.1] Trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong quản lý quản lý hành chính về giấy tờ khác, nên cần có mức án nghiêm để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo là người đã trưởng thành và nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo; cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo đang nuôi con nhỏ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu iphone 8 màu vàng hồng số IMEI 354898094380341 của Phạm Văn L do sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Huyndai Tucson, biển số 51K-140.93 đứng tên Phạm Văn L và 01 hợp đồng cầm cố xe ô tô biển số 51K-140.93 ngày do Phạm Văn L đứng tên người cầm cố lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 xe ô tô hiệu Huyndai Tucson 2.0 biển số 51K-140.93 có số khung RLUJD81CBMN000834, số máy D4HDMH715485 của ông Nguyễn Văn T1, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T1 là phù hợp.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với việc Phạm Văn L mượn xe ô tô biển số 51K-140.93 của Nguyễn Văn N đem đi cầm cố. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa làm việc được với N, do hành vi trên được thực hiện tại phường P, Quận G, Thành

phố Hồ Chí Minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xác minh, tách ra chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T4 xử lý theo thẩm quyền.

Đối với các ông Đặng Văn T2, Huỳnh Đình V, Nguyễn Trí D có hành vi giúp Phạm Văn L cầm cố xe ô tô biển số 51K-140.93. Các ông T2, V, D không biết việc L sử dụng giấy tờ giả để cầm cố và chiếm đoạt chiếc xe trên nên không xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng có hành vi làm giả giấy tờ xe đưa cho L do chưa xác minh được nhân thân, lý lịch nên đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2024.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu iphone 8 màu vàng hồng số IMEI 354898094380341 của Phạm Văn L.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phô Biên Hoà).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;

- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn